

BÁO CÁO TỔNG KẾT

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ BÁN NIÊN NĂM 2017

(Căn cứ phụ lục số 28 kèm theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC)

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ:

Tên quỹ:	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom Viết tắt: TCBF
Loại hình quỹ:	Quỹ mở
Mục tiêu đầu tư:	<p>Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các các loại tín phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, giấy tờ có giá và các công cụ thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt. Công cụ có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản khác có lãi suất cố định.</p> <p>Trong nhiều trường hợp khác biệt, việc xem xét đầu tư sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ xem xét quyết định phù hợp với thẩm quyền tại Điều lệ này.</p>
Thời hạn hoạt động:	Không thời hạn
Benchmark:	Không áp dụng
Chính sách phân chia lợi nhuận:	Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cùng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp

	thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền). Nhà Đầu Tư có thể nhận cổ tức bằng tiền hoặc dùng để tái đầu tư.
Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:	145.911.621,28 (thời điểm 30/06/2017)
Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:	Chi tiết xem bên dưới (*)
Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:	Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 Quỹ TCBF: <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính 2016 - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính 2016 - Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận năm 2016 - Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2017 của Quỹ - Thông qua kế hoạch chi phí năm 2017 của Quỹ - Thông qua sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Quỹ - Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Quỹ TCBF năm 2017 - Thông qua việc tự nhiệm đối với thành viên Ban Đại diện Quỹ ông Phan Lê Hòa căn cứ trên thư từ nhiệm ngày 28/03/2017
Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư số 183/2011/TT-BTC	Công ty quản lý quỹ đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại 30/06/2017:

- Danh mục đầu tư của Quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm:

	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
	%	%
Danh mục chứng khoán	48,41%	84,29%

Tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	49,77%	15,53%
Tài sản khác	1,82%	0,18%
	100%	100%

- Giá trị tài sản ròng của Quỹ: 1.650.556.435.751 VND

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ: 11.312,02 VNĐ/CCQ

- Số lượng Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành: 145.911.621,28 CCQ

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị cao nhất trong 6 tháng đầu năm 2017: 11.312,02 VNĐ/CCQ

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị thấp nhất trong 6 tháng đầu năm 2017: 10.887,06 VNĐ/CCQ

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Thu nhập từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	6.835.009.480
2	Thu nhập từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...)	53.879.565.995
3	Chênh lệch mua bán chứng khoán	3.648.282.434
4	Tổng chi phí	11.525.100.941
	Tổng lợi nhuận	52.837.756.968

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị Quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Không có.

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của Quỹ:

Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trong kỳ cuối quý II năm 2017	1.66%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/giá trị tài sản ròng trong kỳ cuối quý IV năm 2016	1.97%

- Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay danh mục:

Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý II năm 2017	167.05%
Tốc độ vòng quay danh mục cuối quý IV năm 2016	459.53%

b. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định:

- Trong thời hạn 12 tháng (1 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 1 năm): 60.825.033.631 VNĐ.

- Trong thời hạn 36 tháng (3 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 3 năm): 63.627.970.327 VNĐ.

- Trong thời hạn 60 tháng (5 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập Quỹ tới ngày báo cáo nếu Quỹ hoạt động dưới 5 năm): 63.627.970.327 VNĐ.

c. Các chỉ tiêu so sánh khác:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ, được Ban Đại Diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát – Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam.

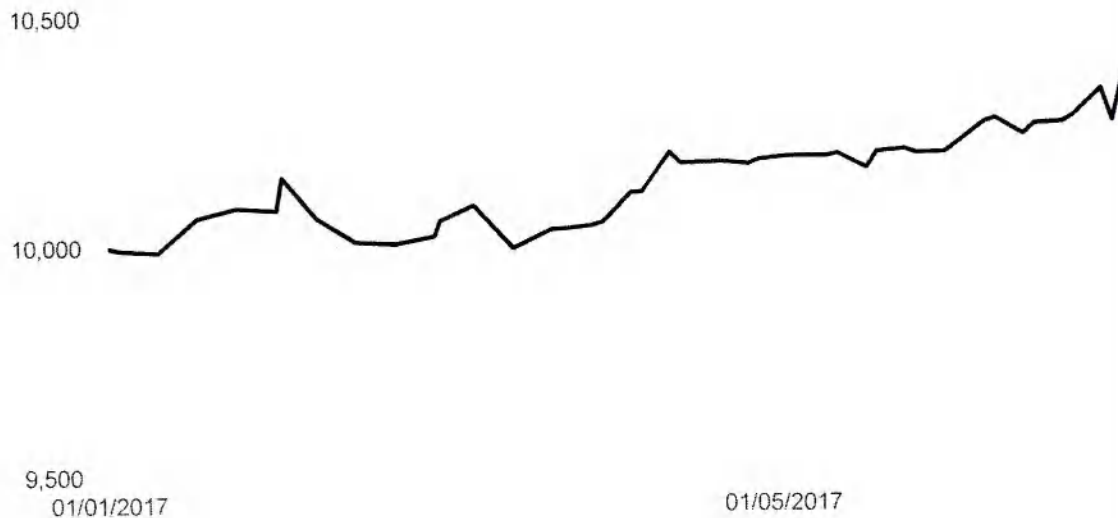
d. Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ:

a. Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý quỹ (nếu có): không có.

b. Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của Quỹ): Quỹ đã đạt được mục tiêu đầu tư như nêu tại mục **I. Thông tin về Quỹ**

c. So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chi số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị):



f. Đánh giá biến động của thị trường:

Kinh tế vĩ mô nửa đầu năm 2017

Trong 6 tháng đầu năm 2017, GDP của Việt Nam tăng trưởng 5,73% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Quý II/2017 kinh tế Việt Nam chứng kiến sự tăng trưởng tích cực hơn so với Quý I nhưng vẫn thấp hơn kỳ vọng (tăng trưởng GDP Quý II đạt 6,17% YoY, so với tăng trưởng 5,15% YoY của Quý I/2017). Tác động chủ yếu đến từ lĩnh vực sản xuất và xây dựng khi 2 lĩnh vực này tương ứng đạt tốc độ tăng trưởng 10,52% và 8,5% YoY. Trong khi đó, ngành khai khoáng tiếp tục giảm đà tăng trưởng GDP (đạt -8,2% YoY). Nếu không tính đến sự sụt giảm này, GDP Việt Nam có thể đạt tăng trưởng 6,85% trong nửa đầu năm 2017, thể hiện bức tranh khá tích cực của nền kinh tế.

Cán cân thương mại hàng hóa Việt Nam 6 tháng đầu 2017 nhập siêu 2.7 tỷ USD, trong đó giá trị nhập khẩu đạt 100.5 tỷ USD (+24,1% YoY) và giá trị xuất khẩu đạt 97.8 tỷ USD (+18,9% YoY). Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu hàng hoá lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu nửa đầu năm 2017 đạt 19.6 tỷ USD (+9,5% YoY), theo sau bởi thị trường EU với 18.2 tỷ USD (+12,6%). Tuy nhiên, về tốc độ tăng trưởng, Trung Quốc là thị trường có tăng trưởng xuất khẩu cao nhất (tăng 42,5% YoY, tương đương 13 tỷ USD). Trong khi đó, hàng hoá nhập khẩu chủ yếu đến từ thị trường Châu Á với Trung Quốc và Hàn Quốc là 2 quốc gia có giá trị nhập khẩu vào Việt Nam lớn nhất (tương ứng đạt 27.1 tỷ USD và 22.5 tỷ USD). Về mặt cơ cấu hàng hoá, linh kiện điện thoại, dệt may là 2 mặt hàng xuất khẩu chủ lực (tương ứng đạt 20.1 tỷ USD và 11.6 tỷ USD), trong khi mặt hàng chủ yếu được nhập khẩu trong nửa đầu năm là máy móc thiết bị (18.4 tỷ USD) và điện tử, máy tính (16.2 tỷ USD).

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2017 ước đạt 19.2 tỷ USD, tăng 54,8% so với cùng kỳ 2016. Về giải ngân, vốn FDI thực hiện đạt 7.7 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và sản xuất phân phối chiếm tỷ trọng chủ yếu trong số các lĩnh vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài (tương ứng chiếm 49,3% và 27,3%).

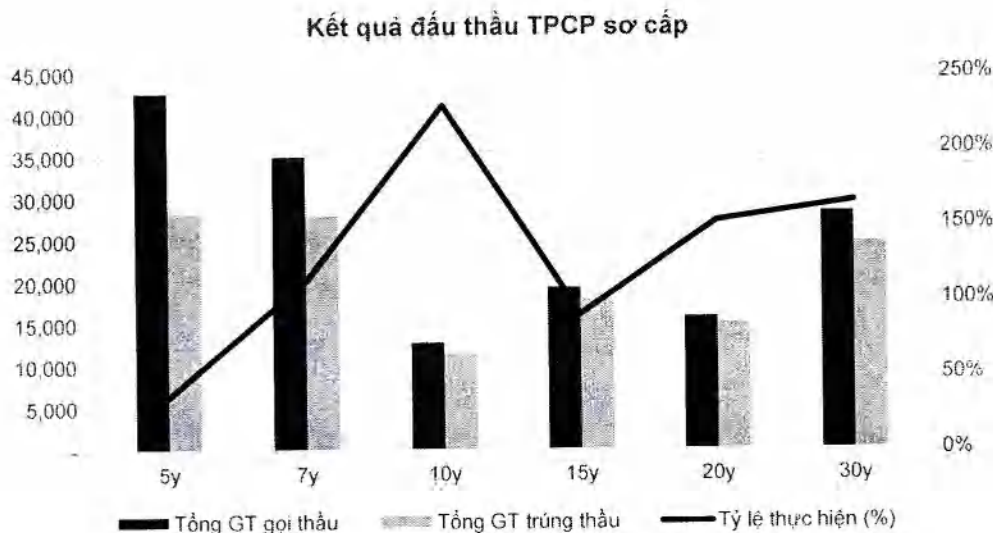
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2017 tăng 4,15% so với bình quân cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng (+47,9% và +10% so với năm 2016). Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI trong 6 tháng đầu năm, có một số yếu tố góp phần kiềm chế như: Chỉ số giá

nhóm thực phẩm giảm 1,74% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp mức giảm CPI chung 0,39%; giá thịt lợn giảm mạnh do nguồn cung dồi dào trong khi nhu cầu thu mua thịt lợn xuất khẩu sang Trung Quốc giảm

Trong 6 tháng đầu năm, tăng trưởng huy động thấp hơn tăng trưởng tín dụng. Cụ thể, tăng trưởng tín dụng đạt 7,5% (cao hơn mức 6,2% so với cùng kỳ năm trước), trong khi tăng trưởng về nguồn vốn huy động và tổng Phương tiện thanh toán giảm 2-3% so với 6 tháng đầu năm 2016.

Thị trường trái phiếu nửa đầu năm 2017

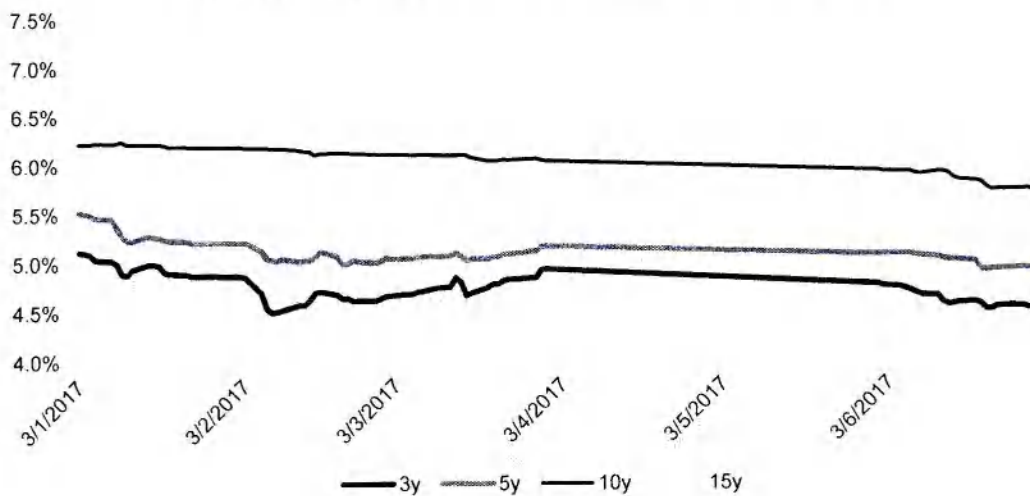
Trên thị trường sơ cấp, giá trị trúng thầu toàn thị trường đạt 125.745 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 81% kế hoạch nửa đầu năm 2017, trong đó tập trung chủ yếu vào kỳ hạn 5 năm và 7 năm (tương ứng đạt 28.299 tỷ và 28.030 tỷ đồng). Bên cạnh đó, hầu hết các kỳ hạn đều vượt kế hoạch phát hành năm với tỷ lệ thực hiện của các kỳ hạn dài từ 10 năm trở lên đều rất cao (150-200% kế hoạch năm). Nguyên nhân do lợi suất của các kỳ hạn này tương đối hấp dẫn, so với mức lợi suất thấp của các trái phiếu kỳ hạn ngắn.



Nguồn: HNX

Thị trường trái phiếu chính phủ thứ cấp 6 tháng đầu năm 2017 diễn ra thuận lợi với lợi suất trái phiếu giảm mạnh, đặc biệt là các trái phiếu kỳ hạn dài. Tính đến đầu tháng 6/2017, kỳ hạn 20 năm có lãi suất giảm mạnh nhất so với cuối năm 2016 (giảm 1.03%/năm), tiếp đến là kỳ hạn 15 năm (giảm 0,9%/năm) và kỳ hạn 30 năm (giảm 0,88%/năm). Các kỳ hạn còn lại đều có mức giảm khá lớn (0,3-0,4%/năm). Thêm vào đó, xu hướng đầu tư tập trung vào trái phiếu kỳ hạn dài. So với năm 2016, kỳ hạn phát hành bình quân của TPCP đã được kéo dài hơn - đạt 13,8 năm, tăng 5,53 năm. Tỷ lệ trúng thầu của các kỳ hạn từ 15 năm trở lên chiếm tới 55,2% tổng khối lượng trúng thầu toàn thị trường.

Lợi suất Trái phiếu chính phủ 6 tháng đầu năm 2017 (%)



Nguồn: VBMA

Thanh khoản hệ thống dư thừa giai đoạn sau Tết Nguyên đán và kể từ tháng 5/2017. Lợi suất các kỳ hạn ngắn thấp nhất trong 5 năm trở lại đây trong khi gap giữa lãi suất OMO và trái phiếu kỳ hạn dài khá hấp dẫn. Lợi tức trái phiếu 20-30 năm ở mức 6,6-7,1%/năm, trong khi lãi suất vay vốn qua OMO chỉ ở mức 5% (tương đương lợi tức đầu tư trái phiếu 5 năm). Do vậy, trong bối cảnh các yếu tố vĩ mô được duy trì ổn định như hiện nay thì các NHTM Việt Nam đều có thể thu được lợi nhuận từ sự chênh lệch lãi suất.

- g. Thông tin về việc chia, tách đơn vị Quỹ trong kỳ (nếu có): Không có.
- h. Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ Quỹ: Không có.
- i. Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.
- j. Các thông tin khác (nếu có): Không có

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- a. Thuyết minh về việc thay đổi Ngân hàng giám sát (nếu có): Không có.
- b. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 15, 17, 18, 19 của Thông tư thành lập và quản lý Quỹ mở (183/2011/TT-BTC), hạn chế vay và hạn chế giao dịch tại Điều 92 của Luật chứng khoán:
 - Theo Khoản 10, Điều 1 Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định “Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại các kỳ giao dịch ngày 23 tháng 05 năm 2017 đến ngày 08 tháng 06 năm 2017, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư và Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp. Tại kỳ định giá ngày 13 tháng 06 năm 2017, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cơ cấu đầu tư của Quỹ đã tuân thủ các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

c. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai chứng chỉ Quỹ mở:

- Trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở: Không có.

- Trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: Không có.

d. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ Quỹ: Không có.

Chi tiết về việc phát hành CCQ:

Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2016:	65.325.801,70 CCQ
Tổng số CCQ phát hành thêm trong kỳ:	101.278.682,05 CCQ
Tổng số CCQ mua lại trong kỳ:	20.692.862,47 CCQ
Tổng số CCQ tại ngày 30/06/2017:	145.911.621,28 CCQ

e. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà ngân hàng giám sát (NHGS) phát hiện: Không có.

f. Các hoạt động khác: Không có.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng hci phí hoạt động của Quỹ:

Chỉ tiêu (từ ngày 1/1/2017 đến ngày 30/06/2017)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	949.017.390
% Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận	2,24%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Thu nhập	1,76%
% Tổng chi phí ủy quyền/ Tổng chi phí	8,23%

b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ: Không có.

c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam

nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng.

Chỉ tiêu (từ ngày 1/1/2017 đến ngày 30/06/2017)	Số tiền hoặc tỷ lệ
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VNĐ)	949.017.390
Chi phí dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	66.000.000
Chi phí dịch vụ lưu ký	219.187.156
Chi phí dịch vụ giám sát	368.794.573
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ	295.035.661

d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyên nhượng được ủy quyền cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, giám sát được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam. Theo đánh giá của chúng tôi, các đơn vị trên đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập... Do đó, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa của các bên nhận ủy quyền cho Quỹ TCBF được bảo đảm hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

(*) Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Tại Đại hội nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2016 lần thứ hai của Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom diễn ra ngày 13 tháng 5 năm 2017, những nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ như bên dưới đã được thông qua:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ
1	Sửa đổi khoản 2 Điều 16 như sau: 16.2. Tần suất giao dịch: Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định là tất cả các ngày làm việc trong tuần (không bao gồm Thứ Bảy, Chủ Nhật).	16.2. Tần suất giao dịch: Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau: Ngày thứ Ba và ngày thứ Năm hàng tuần (tần suất giao dịch 2 lần /tuần).

<p>Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.</p> <p>Việc tăng tần suất sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo Bạch, công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Việc tăng tần suất sẽ được báo cáo Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.</p> <p>Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.</p>	<p>Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.</p> <p>Việc tăng tần suất sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ thông báo công khai tại Bản Cáo Bạch, công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Việc tăng tần suất sẽ được báo cáo Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.</p> <p>Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.</p>
<p>Sửa đổi khoản 2,3 Điều 58 như sau:</p> <p>Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.</p> <p>GIÁ DỊCH VỤ THEO TỶ LỆ GTTRS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần suất giao dịch của Quỹ: hàng ngày - Giá dịch vụ Lưu ký: 0,05% tính trên GTTSR - Giá dịch vụ Giám sát Quỹ: 0,04% tính trên GTTSR - Giá dịch vụ Quản trị Quỹ: 0,03% tính trên GTTSR <p>GIÁ DỊCH VỤ TỐI THIỂU HÀNG THÁNG CHO TỪNG LOẠI DỊCH VỤ (chưa bao gồm thuế VAT):</p> <p>Trong sáu (6) tháng đầu của tần suất giao dịch hằng ngày (1):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tần suất giao dịch của Quỹ: hàng ngày 	<p>58.2 Phí giám sát và lưu ký</p> <p>Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.</p> <p>Phí lưu ký</p> <p>Phí Lưu Ký sẽ là 0,03% /NAV/năm và thấp nhất là 12.000.000 đồng/ tháng</p> <p>Phí giám sát: Phí dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,05%/NAV/năm và thấp nhất là 20.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT)</p> <p>58.3 Chi phí dịch vụ quản trị Quỹ</p> <p>Phí dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0,04%/NAV/năm và thấp nhất là 18.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT)</p>

	<p>- Giá dịch vụ Lưu ký: 18.000.000 VNĐ/tháng</p> <p>- Giá dịch vụ Giám sát Quỹ: 35.000.000 VNĐ/tháng</p> <p>- Giá dịch vụ Quản trị Quỹ: 35.000.000 VNĐ/tháng</p> <p>Sau 6 tháng kể từ khi tăng tần suất giao dịch hàng ngày:</p> <p>o Nếu tổng giá trị tài sản của quỹ đạt từ 1.200 tỷ, giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng sẽ duy trì mức (1) nêu trên, hoặc</p> <p>o Nếu tổng giá trị tài sản của quỹ dưới 1.200 tỷ, giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng cho từng loại dịch vụ ngân hàng sẽ được điều chỉnh như sau:</p> <p>- Tần suất giao dịch của Quỹ: hàng ngày</p> <p>- Giá dịch vụ Lưu ký: 22.000.000 VNĐ/tháng</p> <p>- Giá dịch vụ Giám sát Quỹ: 49.000.000 VNĐ/tháng</p> <p>- Giá dịch vụ Quản trị Quỹ: 49.000.000 VNĐ/tháng</p> <p>Giá dịch vụ tối thiểu của từng tháng hoạt động là mức giá dịch vụ mà Quỹ phải thanh toán cho Ngân hàng trong trường hợp giá dịch vụ phải trả tính theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn giá dịch vụ tối thiểu đã thống nhất. Giá dịch vụ tối thiểu được đề cập sẽ áp dụng trên mọi giá trị tài sản ròng.</p> <p>Phí giao dịch chứng khoán: 150.000 VNĐ/giao dịch.</p> <p>* Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v...</p>	
3	<p>Sửa đổi Điều 57 như sau:</p> <p>Điều 57. Phân phối lợi nhuận của quỹ</p>	<p>Điều 57. Phân phối lợi nhuận của quỹ</p>

<p>57.1. Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của quỹ. Công ty quản lý quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.</p> <p>57.2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp thuận của đại hội nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của ban đại diện quỹ (nếu đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho ban đại diện quỹ quyết định phù hợp với quy định tại điều lệ quỹ) hoặc được quy định cụ thể tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch. Khối lượng đơn vị quỹ được phân chia trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày chốt danh sách nhà đầu tư hoặc một giá trị khác theo quy định tại điều lệ quỹ.</p> <p>57.3. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.</p> <p>57.4. Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);</p> <p>b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;</p>	<p>57.1 Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại khoản 21.3 và khoản 26.3 theo đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:</p> <p>a) Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp Luật; hoặc</p> <p>b) NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp Luật.</p> <p>57.2 Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định. - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động. - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm). <p>57.2 Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ. Mỗi Nhà Đầu Tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện, họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn Vị Quỹ. Nếu không có sự lựa</p>
--	--

	<p>c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);</p> <p>d) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;</p> <p>e) Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi phân chia.</p> <p>57.5. Trường hợp có quy định tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ được phân chia tài sản của quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được đại hội nhà đầu tư chấp thuận.</p> <p>57.6. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận quỹ, phân chia tài sản của quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại các bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.</p> <p>57.7. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số đơn vị quỹ của mình</p> <p>trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.</p>	<p>chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.</p> <p>57.3 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng Đơn Vị Quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.</p>
4	<p>Theo quy định tại Thông tư 241/2016/TT-BTC ban hành ngày 11/11/2016 quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Thông tư số: 242/2016/TT-BTC ban hành ngày 11/11/2016 về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tên các loại “phí” nêu tại Điều lệ Quỹ được điều chỉnh bởi các thông tư trên sẽ được sửa thành “giá dịch vụ” tương ứng.</p>	

	Công ty Quản lý Quỹ sẽ có trách nhiệm sửa tương ứng các nội dung trên tại Điều lệ Quỹ cập nhật.	
--	---	--

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ trong kỳ bán niên 30/06/2017 của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF).

Trân trọng./.


 Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương 
 Đặng Lưu Dũng

